

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến 30/09/2017

Hà Nội, Năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.199.200.630.397	1.133.521.702.724
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	56.721.619.059	35.759.530.580
1. Tiền	111		52.382.565.659	31.420.477.180
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.339.053.400	4.339.053.400
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2		
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		366.423.265.398	416.935.781.272
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	157.391.579.649	189.672.658.893
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	95.805.952.066	129.944.670.082
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		17.425.084.741	16.800.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5	97.406.201.422	82.124.004.777
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.605.552.480)	(1.605.552.480)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	752.925.059.714	663.434.768.497
1. Hàng tồn kho	141		755.425.059.714	665.934.768.497
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(2.500.000.000)	(2.500.000.000)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.130.686.226	17.391.622.375
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	3.646.190.661	3.778.657.492
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		18.724.279.962	12.781.682.339
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	760.215.603	831.282.544
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.024.485.386.523	907.367.070.596
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.286.543.307	1.286.543.307
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3		
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	1.276.543.307	1.276.543.307
3. Vốn kinh doanh của các đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	10.000.000	10.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
II. Tài sản cố định	220		284.435.682.820	295.989.051.167
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	283.270.289.537	294.738.923.613
- Nguyên giá	222		452.091.154.925	451.589.554.925
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(168.820.865.388)	(156.850.631.312)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.165.393.283	1.250.127.554
- Nguyên giá	228		3.095.129.360	3.095.129.360
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(1.929.736.077)	(1.845.001.806)
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	1.338.677.892	694.434.566
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.338.677.892	694.434.566
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	730.603.471.938	602.481.726.503
1. Đầu tư vào công ty con	251		100.936.708.000	96.851.100.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		593.665.477.403	461.929.339.968
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		44.513.057.176	52.213.057.176
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(8.511.770.641)	(8.511.770.641)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.821.010.566	6.915.315.053
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	6.821.010.566	6.915.315.053
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.223.686.016.920	2.040.888.773.320

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.032.661.216.905	1.846.799.333.032
I. Nợ ngắn hạn	310		1.703.643.389.714	1.604.661.106.726
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	188.388.884.209	219.085.943.655
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	648.772.535.477	593.379.891.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	3.161.803.261	3.109.433.052
4. Phải trả người lao động	314		9.070.984.044	9.463.143.071
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	143.624.115.327	110.424.645.643
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		50.000.000	216.140.361
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	91.014.817.888	141.691.927.919
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	617.529.971.328	525.232.303.283
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.030.278.180	2.057.678.180
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại Trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		329.017.827.191	242.138.226.306
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.13	164.191.741.122	154.922.140.237
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18		
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	89.024.824.000	11.414.824.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	75.801.262.069	75.801.262.069
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.19		
13. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343			
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		191.024.800.015	194.089.440.288
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	185.039.992.537	188.104.632.810
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.000.000.000	215.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.664.536.452	29.664.536.452
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(59.624.543.915)	(56.559.903.642)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			(56.559.903.642)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(59.624.543.915)	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		5.984.807.478	5.984.807.478
1. Nguồn kinh phí	431		5.984.807.478	5.984.807.478
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.223.686.016.920	2.040.888.773.320

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Quang Hùng

Tổng Giám đốc



Lê Văn Sơn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	101.272.742.705	158.928.462.748
2. Các khoản giảm trừ	02	VI.2	477.385.840	50.665.367
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.3	100.795.356.865	158.877.797.381
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	86.601.114.828	156.479.605.160
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.194.242.037	2.398.192.221
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	8.243.952.115	1.704.246.696
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	13.171.626.953	7.250.853.428
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.096.531.107	6.573.348.139
8. Chi phí bán hàng	25	VI.7	848.862.825	1.429.108.904
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	10.014.351.080	9.429.814.533
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(1.596.646.706)	(14.007.337.948)
11. Thu nhập khác	31	VI.8	135.822.443	164.551.012
12. Chi phí khác	32	VI.9	1.178.430.455	320.832.833
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1.042.608.012)	(156.281.821)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(2.639.254.718)	(14.163.619.769)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10		
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(2.639.254.718)	(14.163.619.769)

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Quang Hùng

Tổng Giám đốc



Lê Văn An

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.639.254.718)	(14.163.619.769)
2. Điều chỉnh cho các khoản		16.918.183.625	11.651.629.277
- Khấu hao TSCĐ	02	12.054.968.347	6.447.717.026
- Các khoản dự phòng	03	-	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(132.735.358)	170.218.551
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(8.100.580.471)	(1.539.654.439)
- Chi phí lãi vay	06	13.096.531.107	6.573.348.139
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	14.278.928.907	(2.511.990.492)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	44.640.985.192	(126.673.557.733)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(89.490.291.217)	30.831.988.270
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	88.653.837.095	57.237.185.880
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	226.771.318	18.523.614.453
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	
- Tiền lãi vay đã trả	14	(9.314.724.824)	(6.573.348.139)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(161.737.917)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(425.385.555)	(157.216.764)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	48.570.120.916	(29.485.062.442)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	-	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(134.185.598.820)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	7.700.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.447.666.480	1.702.478.439
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(120.037.932.340)	1.702.478.439
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	222.067.013.166	107.992.828.149

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

Theo phương pháp gián tiếp

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

(tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/07/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/07/2016 đến 30/09/2016
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(129.769.345.121)	(85.089.474.219)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(503.500)	
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>	<i>92.297.164.545</i>	<i>22.903.353.930</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	20.829.353.121	(4.879.230.073)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	35.759.530.580	44.512.765.080
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	132.735.358	(170.218.551)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	56.721.619.059	39.463.316.456

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lê Quang Hùng

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2017

Tổng Giám đốc



Lê Văn An

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/07/2017 đến ngày 30/09/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ là xây lắp và chế tạo cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ là:

- Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình thủy lợi;
- Thiết kế lắp đặt thiết bị, công nghệ cơ khí công trình thủy lợi, thủy điện;
- Khảo sát, điều tra quy hoạch, lập dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Xây dựng nhà các loại;
- Xây dựng công trình nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi, thủy điện, dân dụng, giao thông, cơ sở hạ tầng nông thôn;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tổng Công ty

Tổng Công ty bao gồm Công ty mẹ và 4 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Trong đó, 1 công ty con phụ thuộc được tổng hợp trong Báo cáo tài chính tổng hợp này, 3 công ty con còn lại được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Do vậy, sau đây “Tổng Công ty” được hiểu là Công ty mẹ và công ty con phụ thuộc.

Công ty con phụ thuộc (có hình thức sở hữu vốn là công ty TNHH Một thành viên)

Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Mê Kông là công ty con phụ thuộc do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn, có trụ sở chính tại 117 – 119 Pasteur, phường 6, quận 3, Tp. Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là mua bán, xuất nhập khẩu các loại máy, thiết bị và phụ tùng thay thế phục vụ nông lâm ngư nghiệp và thủy lợi; thiết bị văn phòng. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ tại công ty con này là 100% (số đầu năm là 100%).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các công ty con khác (có hình thức sở hữu vốn là công ty cổ phần)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Tổ 21 Phường Quảng Phú, Thành phố Quảng Ngãi, Quảng Ngãi	Xây dựng	70,1%	70,1%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Xã Lương Sơn, Huyện Thường Xuân, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	92,68%	92,68%
Công ty TNHH điện Sông Mực	Thôn Xuân Lai, Xã Hải Vân, Huyện Như Thanh, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	90%	100%

Các công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Km Số 9, đường Ngọc Hồi, Phường Hoàng Liệt, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.	Cơ điện và xây dựng	46%	46%
Công ty Cổ phần đầu tư và Xây dựng 24	Tầng 2, tòa nhà Vinamilk, số 4, đại lộ Lê Nin, Phường Hưng Dũng, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	Xây dựng	36,18%	36,18%
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	Số 20 đường Trần Nhật Duật, Phường Trần Tế Xương, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Xây dựng công trình	27,11%	27,11%
Công ty Cổ phần xây dựng Thủy lợi 1	Phố Vũ, Đại Phúc, Tp. Bắc Ninh, Bắc Ninh	Xây dựng công trình	29,28%	29,28%
Công ty Cổ phần xây dựng 26	24A Nguyễn Cư Trinh, Phường Thuận Hòa, Thành phố Huế, Tỉnh Thừa Thiên Huế, Việt Nam	Xây dựng công trình	47,2%	47,2%
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Km 10, đường Nguyễn Trãi, Q.Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cơ điện	25,58%	46,39%
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	220 Điện Biên Phủ, Phường 22, Quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cơ khí và xây lắp	28,95%	44,45%
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	60 Văn Cao, Phường Văn Miếu, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định, Việt Nam	Xây dựng công trình	20%	20%
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	Số 55 Trần Nhật Duật, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	Cơ điện và xây dựng	40%	40%
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Bản Chuông, Xã Lục Hồn, Huyện Bình Liêu, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	Đầu tư dự án thủy điện	50%	50%
Công ty Cổ phần Đaksrong	thị trấn Kong Chro, huyện Kong Chro, tỉnh Gia Lai	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	38,57%	40,21%
Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện	Số nhà 56, ngõ 102, đường Trường Chinh, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy móc	44,77%	49,64%
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	Km 18 Quốc Lộ 5A, TT Như Quỳnh, Thị trấn Như Quỳnh, Huyện Văn Lâm, Hưng Yên	Đầu tư dự án khu công nghiệp cơ khí năng lượng	46%	46%

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Agreensteel-VN	Số 6 Nguyễn Công Trứ, P.Phạm Đình Hồ, Q.Hai Bà Trưng, Tp.Hà Nội, Việt Nam	Vận chuyển, buôn bán vật liệu	30%	30%
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE	Km 10, quốc lộ 1A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh sản phẩm thép	50%	50%
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Quảng Nam	44 Lê Quý Đôn, Thị trấn Khâm Đức, Huyện Phước Sơn, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam	Đầu tư dự án thủy điện Đakmi 2	51%	51%
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Nghệ Tĩnh	Số 88, đường Võ Thị Sáu, Phường Trường Thi, Thành phố Vinh, Nghệ An	Đầu tư dự án thủy điện Chi Khê	51%	51%

Các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm Nghiên cứu, Tư vấn Cơ điện và Xây dựng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Km 10, quốc lộ 1A, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cơ khí điện Thủy lợi – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Km 10, quốc lộ 1a, Xã Tứ Hiệp, Huyện Thanh Trì, Hà Nội
Công ty Cơ điện Xây dựng – Chi nhánh Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng – CTCP tại Hải Dương Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh – Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Km 52, quốc lộ 5A - Phường Cẩm Thượng - Thành phố Hải Dương - Hải Dương 55 Trần Nhật Duật, Phường Tân Định, Quận 1, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp bao gồm Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con phụ thuộc. Công ty con phụ thuộc là đơn vị chịu sự kiểm soát 100% của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con phụ thuộc để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con phụ thuộc sử dụng để tổng hợp được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa Công ty mẹ và công ty con phụ thuộc, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con và công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con và công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, lợi thế kinh doanh. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2012 đã được phê duyệt. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty (là chương trình phần mềm máy vi tính): Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Tổng Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Tiền bản quyền

Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao bản quyền.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của kỳ sau.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	3.582.715.731	2.904.821.830
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	48.799.849.928	28.515.655.350
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	4.339.053.400	4.339.053.400
Cộng	<u>56.721.619.059</u>	<u>35.759.530.580</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCPC

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Tri, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty chỉ có đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	100.936.708.000		96.851.100.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng 25 ⁽ⁱ⁾	4.203.700.000		4.203.700.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung ⁽ⁱⁱ⁾	81.377.400.000		81.377.400.000	
Công ty TNHH Điện Sông Mực ⁽ⁱⁱⁱ⁾	15.355.608.000		11.270.000.000	
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	593.665.477.403	(5.463.120.641)	461.929.339.968	(5.463.120.641)
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng ^(iv)	11.040.000.000		11.040.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 ^(v)	7.236.191.473	(5.463.120.641)	7.236.191.473	(5.463.120.641)
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng ^(vi)	2.439.680.000		2.439.680.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 ^(vii)	3.713.680.000		3.713.680.000	
Công ty Cổ phần Xây dựng 26 ^(viii)	7.079.880.000		7.079.880.000	
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi ^(ix)	9.357.100.000		9.357.100.000	
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ^(x)	6.667.000.000		6.667.000.000	
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18 ^(xi)	600.000.000		600.000.000	
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương ^(xii)	2.600.000.000		2.600.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh ^(xiii)	1.796.036.596		1.796.036.596	
Công ty Cổ phần Đakrong ^(xiv)	27.000.000.000		27.000.000.000	
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện ^(xv)	14.892.300.000		14.892.300.000	
Công ty Cổ phần KCN Cơ khí năng lượng AGRIMECO Tân Tạo ^(xvi)	7.508.253.216		7.508.253.216	
Công ty Cổ phần Agreesteel - Việt Nam ^(xvii)	1.200.000.000		1.200.000.000	
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE ^(xviii)	22.125.000.000		22.125.000.000	
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Quảng Nam ^(iv)	162.910.356.118		158.510.356.118	
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Nghệ Tĩnh ^(xix)	305.500.000.000		178.163.862.565	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	44.513.057.176	(3.048.650.000)	52.213.057.176	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Việt Nam	1.723.110.000		1.723.110.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	29.691.280.000		29.691.280.000	

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCĐ

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Từ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Bình Điền	0		7.700.000.000	
Công ty Agromas – Việt Nam	3.048.650.000	(3.048.650.000)	3.048.650.000	(3.048.650.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng Công trình Miền Trung	5.000.000.000		5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Nội hơi Việt Nam	4.665.700.000		4.665.700.000	
Công ty Cổ phần Cơ điện Xây dựng và Hợp tác lao động	384.317.176		384.317.176	
Cộng	739.115.242.579	(8.511.770.641)	610.993.497.144	(8.511.770.641)

(i) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 420.370 cổ phần, tương đương 70,1% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng 25 (số đầu kỳ là 420.370 cổ phần, tương đương 70,1% vốn điều lệ).

(ii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 8.137.740 cổ phần, tương đương 92,68% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung (số đầu kỳ là 8.137.740 cổ phần, tương đương 92,68 % vốn điều lệ).

(iii) Trong kỳ, Tổng công ty đã đầu tư thêm 4.085.608.000 VND vào Công ty TNHH Điện Sông Mực. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 15.355.608.000 VND vào Công ty TNHH Điện Sông Mực và số vốn góp của Tổng công ty được ghi nhận tại Công ty TNHH Điện Sông Mực là 16.100.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Điện Sông Mực (số đầu kỳ là 11.270.000.000 VND, tương đương 70% vốn điều lệ).

(iv) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 1.104.000 cổ phần, tương đương 46% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng (số đầu năm là 1.104.000 cổ phần, tương đương 46% vốn điều lệ).

(v) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 723.619 cổ phần, tương đương 36,18% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24 (số đầu kỳ là 723.619 cổ phần, tương đương 36,18% vốn điều lệ).

(vi) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 243.968 cổ phần, tương đương 27,11% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Sông Hồng (số đầu kỳ là 243.968 cổ phần, tương đương 27,11% vốn điều lệ).

(vii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 517.480 cổ phần, tương đương 29,28% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1 (số đầu kỳ là 517.480 cổ phần, tương đương 29,28% vốn điều lệ).

(viii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 707.988 cổ phần, tương đương 47,2% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Xây dựng 26 (số đầu kỳ là 707.988 cổ phần, tương đương 47,2% vốn điều lệ).

(ix) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 935.710 cổ phần, tương đương 46,39% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi (số đầu kỳ là 935.710 cổ phần, tương đương 46,39% vốn điều lệ).

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- (xi) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 60.000 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18 (số đầu kỳ là 60.000 cổ phần, tương đương 20% vốn điều lệ).
- (xii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 260.000 cổ phần, tương đương 40% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương (số đầu kỳ là 260.000 cổ phần, tương đương 40% vốn điều lệ).
- (xiii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 179.604 cổ phần, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh (số đầu kỳ là 179.604 cổ phần, tương đương 50% vốn điều lệ).
- (xiv) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 3.780.000 cổ phiếu, tương đương 40,21% vốn điều lệ Công ty cổ phần Đakrông, (số đầu kỳ là 3.780.000 cổ phiếu, tương đương 40,21% vốn điều lệ).
- (xv) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 1.489.230 cổ phần, tương đương 49,64% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Thiết bị Phụ tùng Cơ điện (số đầu năm là 1.489.230 cổ phần, tương đương 49,64% vốn điều lệ).
- (xvi) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty nắm giữ 750.825 cổ phần, tương đương 46% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo (số đầu kỳ là 750.825 cổ phần, tương đương 46% vốn điều lệ). Công ty Cổ phần KCN Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo đầu tư Dự án khu công nghiệp và đang trong quá trình đầu tư.
- (xvii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 1.200.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ (số đầu kỳ là 1.200.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ).
- (xviii) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 22.125.000.000 VND vào Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE, tương đương 50% vốn điều lệ của Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE.
- (xix) Trong kỳ, Tổng Công ty đã đầu tư thêm 4.400.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Quảng Nam. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 162.910.356.118 VND (số đầu kỳ là 158.510.356.118 VND). Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Quảng Nam là Chủ đầu tư Dự án thủy điện Đăkmi 2 và đang trong quá trình đầu tư.
- (xx) Trong kỳ, Tổng Công ty đã đầu tư thêm 127.336.137.435 VND vào Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Nghệ Tĩnh. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty đã đầu tư 305.500.000.000 VND (số đầu kỳ là 178.163.862.565 VND). Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Nghệ Tĩnh là Chủ đầu tư Dự án thủy điện Chi Khê và đang trong quá trình đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu kỳ	(8.511.770.641)	(3.048.650.000)
Trích lập dự phòng bổ sung		(5.463.120.641)
Số cuối kỳ	(8.511.770.641)	(8.511.770.641)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	1.474.345.499	47.956.530.469
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc miền Trung	464.000	464.000
Công ty TNHH Điện Sông Mực	27.393.403	21.136.795
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	446.180.980	446.180.980
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	281.469.000	281.469.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	573.663.433	200.450.715
Công ty Cổ phần Thủy điện Đakrong	1.800.000	1.800.000
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	112.767.200	112.767.200
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh		46.892.261.779
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng Nam	28.602.755	
Công ty TNHH Sản phẩm thép A&J	2.004.728	
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	155.917.234.150	141.716.128.424
Ban quản lý Dự án thủy điện 7	32.409.131.458	32.166.520.497
Ban quản lý Dự án thủy điện Sông Bung 2	40.625.819.667	33.134.886.667
Ban quản lý Dự án thủy điện Sơn La	16.424.478.000	3.830.859.546
Các khách hàng khác	66.457.805.025	72.583.861.714
Cộng	157.391.579.649	189.672.658.893

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn

4a. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	38.109.235.524	47.170.419.776
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	25.022.597.835	31.661.778.787
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	12.344.886.067	12.344.886.067
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	285.503.822	285.503.822
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	343.251.100	343.251.100
Công ty Cổ phần Agreesteel - Việt Nam	112.996.700	2.535.000.000
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>	57.696.716.542	82.774.250.306
Công ty TNHH LIFTEC Việt Nam	7.527.092.323	7.527.092.323
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Sản phẩm Công nghiệp Quốc tế	17.159.292.930	17.159.292.930
Công ty TNHH IPC		27.486.949.094

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>		
Các nhà cung cấp khác	33.010.331.289	30.600.915.959		
Cộng	95.805.952.066	129.944.670.082		
4b. Trả trước cho người bán dài hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>		
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	<i>1.276.543.307</i>	<i>1.276.543.307</i>		
Công ty cổ phần xây dựng 26	1.160.702.489	1.160.702.489		
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	115.840.818	115.840.818		
<i>Trả trước cho các người bán khác</i>				
Cộng	1.276.543.307	1.276.543.307		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn				
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>		
<i>Cho bên liên quan vay</i>	<i>14.425.084.741</i>	<i>13.800.000.000</i>		
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh	14.425.084.741	13.800.000.000		
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	<i>3.000.000.000</i>	<i>3.000.000.000</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex	3.000.000.000	3.000.000.000		
Cộng	17.425.084.741	16.800.000.000		
6. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác				
6a. Phải thu ngắn hạn khác				
	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>35.045.592.982</i>		<i>22.581.234.394</i>	
Công ty TNHH Điện Sông Mực	2.895.729.337		2.900.292.150	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	23.633.665.985		13.864.015.100	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	249.756.430		3.370.190.970	
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	6.279.618.146		1.465.609.070	
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	454.782.174		454.782.174	
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	1.102.469.250		74.640.000	
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng Agrimeco Tân Tạo	295.965.481		295.965.481	
Công ty CP Thiết bị Thủy lợi	103.476.450		103.476.450	
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	25.511.710		25.511.710	
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh	4.294.560		26.146.610	
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Quảng nam	323.459		604.679	

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	62.360.608.440	(18.566.043)	59.542.770.383	(18.566.043)
Công ty TNHH KT TM Balkan	23.221.070.087		23.230.589.524	
Tạm ứng	13.261.220.446		13.219.706.108	
Các khoản ký cược, ký quỹ	1.812.925.141		1.805.917.891	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	24.065.392.766	(18.566.043)	21.286.556.860	(18.566.043)
Cộng	97.406.201.422	(18.566.043)	82.124.004.777	(18.566.043)

6b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

7. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu kỳ	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các bên liên quan</i>		728.611.466	208.082.305		728.611.466	208.082.305
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	Trên 3 năm	251.887.106	100.754.842	Trên 3 năm	251.887.106	100.754.842
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Trên 3 năm	195.255.360	107.327.463	Trên 3 năm	195.255.360	107.327.463
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	Trên 3 năm	281.469.000		Trên 3 năm	281.469.000	
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>		1.166.618.019	81.594.700		1.166.618.019	81.594.700
Công ty TNHH Nông nghiệp Đức Long Gia Lai	Từ 2 đến 3 năm	266.677.400	81.594.700	Từ 1 đến 2 năm	266.677.400	81.594.700
Sở nông nghiệp tỉnh Hòa pán - Lào	Trên 3 năm	220.171.590		Trên 3 năm	220.171.590	
Công ty lắp máy điện nước	Trên 3 năm	210.000.000		Trên 3 năm	210.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 3 năm	469.769.029		Trên 3 năm	469.769.029	
Cộng		1.895.229.485	289.677.005		1.895.229.485	289.677.005

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	(1.605.552.480)	(1.552.217.000)
Trích lập dự phòng bổ sung		(53.335.480)
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(1.605.552.480)	(1.605.552.480)

8. Hàng tồn kho

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	179.680.071		245.803.443	
Nguyên liệu, vật liệu	326.902.702.408		296.614.708.170	
Công cụ, dụng cụ	335.203.058		168.123.056	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	273.145.825.569		213.515.594.863	
Thành phẩm	2.321.646.031		2.321.646.031	
Hàng hóa	152.540.002.577(2.500.000.000)		153.068.892.934(2.500.000.000)	
Cộng	755.425.059.714(2.500.000.000)		665.934.768.497(2.500.000.000)	

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu kỳ	(2.500.000.000)	(1.500.000.000)
Trích lập dự phòng bổ sung		(1.000.000.000)
Số cuối kỳ	(2.500.000.000)	(2.500.000.000)

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ	27.818.000	38.812.000
Chi phí thuê đất	139.764.651	279.529.302
Chi phí bảo hiểm	190.698.359	273.501.594
Chi phí chờ phân bổ	3.287.909.651	3.186.814.596
Cộng	3.646.190.661	3.778.657.492

9b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công cụ dụng cụ	3.581.335.450	3.779.763.988
Chi phí lán trại	223.612.899	
Lợi thế kinh doanh khi xác định giá trị doanh nghiệp, cổ phần hóa	2.383.891.366	2.490.314.809
Các chi phí trả trước dài hạn khác	632.170.851	645.236.256
Cộng	6.821.010.566	6.915.315.053

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu kỳ	63.484.446.995	159.495.978.562	227.186.901.802	956.642.953	465.584.613	451.589.554.925
Mua trong kỳ	-	501.600.000	-	-	-	501.600.000
Số cuối kỳ	63.484.446.995	159.997.578.562	227.186.901.802	956.642.953	465.584.613	452.091.154.925
Giá trị hao mòn						
Số đầu kỳ	46.625.111.700	56.447.677.179	52.523.541.578	842.823.598	411.477.257	156.850.631.312
Khấu hao trong kỳ	1.070.252.559	5.342.518.876	5.525.456.945	21.312.186	10.693.510	11.970.234.076
Số cuối kỳ	47.695.364.259	61.790.196.055	58.048.998.523	864.135.784	422.170.767	168.820.865.388
Giá trị còn lại						
Số đầu kỳ	16.859.335.295	103.048.301.383	174.663.360.224	113.819.355	54.107.356	294.738.923.613
Số cuối kỳ	15.789.082.736	98.207.382.507	169.137.903.279	92.507.169	43.413.846	283.270.289.537

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Là chương trình phần mềm máy tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu kỳ	3.095.129.360	1.845.001.806	1.250.127.554
Khấu hao trong kỳ		84.734.271	
Số cuối năm	3.095.129.360	1.929.736.077	1.165.393.283

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	694.434.566	644.243.326		1.338.677.892

13. Phải trả người bán ngắn hạn/dài hạn**13a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả các bên liên quan	24.413.430.024	23.578.702.333
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	3.362.418.000	3.362.418.000
Công ty Cổ phần Thiết bị cơ điện và Xây dựng	3.044.124.318	2.295.271.632
Công ty Cổ Phần Xây dựng 25	10.217.531.957	10.217.531.957
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	665.945.321	665.945.321
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	3.605.992.898	3.605.992.898
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	452.156.457	452.156.457
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	2.686.956.332	2.686.956.332
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	292.429.736	292.429.736
Công ty Cổ phần Agreensteel - VN	85.875.005	
Phải trả các nhà cung cấp khác	163.975.454.185	195.507.241.322
Công ty Cổ phần Thương mại Hàng hóa Quốc tế IPC	27.751.872.591	70.856.971.051
Các nhà cung cấp khác	136.223.581.594	124.650.270.271
Cộng	188.388.884.209	219.085.943.655

13b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Phải trả các bên liên quan	80.890.545.287	71.620.944.402
Công ty Cổ Phần Xây dựng 25	14.092.927.534	14.592.977.534
Công ty Cổ phần Thiết bị cơ điện và Xây dựng	11.616.612.028	11.616.612.028
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng	4.737.777.024	4.737.777.024
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	21.423.196.580	21.423.196.580
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	4.670.137.436	4.670.137.436
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	5.574.814.534	5.574.814.534
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	18.775.080.151	9.005.429.266
Phải trả các nhà cung cấp khác	83.301.195.835	83.301.195.835
Cộng	164.191.741.122	154.922.140.237

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	<i>51.858.525.265</i>	<i>47.917.876.249</i>
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Quảng Nam	47.905.157.500	47.905.157.500
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	7.718.749	7.718.749
Công ty TNHH Điện Sông Mực	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH Sản phẩm thép A&J	832.910.795	
Công ty Cổ phần Năng lượng Agrita Nghệ Tĩnh	3.107.738.221	
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>596.914.010.212</i>	<i>545.462.015.313</i>
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	460.274.440.200	460.274.440.200
Power Machines	100.689.897.511	47.516.517.230
Các khách hàng khác	35.949.672.501	37.671.057.883
Cộng	648.772.535.477	593.379.891.562

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã thực nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	210.696.941	10.120.712	57.567.453	57.567.453	210.696.941	10.120.712
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	21.202.904		788.461.107	809.737.999		73.988
Thuế xuất, nhập khẩu		82.950.557	922.400.937	935.651.718		96.201.338
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.939.720	724.001.107	84.391.710	-	2.939.720	639.609.397
Thuế thu nhập cá nhân	54.798.856	14.210.168	23.841.795	30.736.632	47.904.019	14.210.168
Tiền thuê đất	661.134.631		80.467.950	-	741.602.581	
Các loại thuế khác					-	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	2.158.660.000				-	2.158.660.000
Cộng	3.109.433.052	831.282.544	1.957.130.952	1.833.693.802	3.161.803.261	760.215.603

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu là 0%, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ trong nước là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tổng Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế nhà đất

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**16. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	50.732.545.133	49.803.358.881
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	4.113.236.551	2.681.534.200
<i>Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276</i>	<i>1.196.012.537</i>	<i>374.044.444</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung</i>	<i>463.791.613</i>	<i>249.196.745</i>
<i>Công ty Cổ phần Đaksrong</i>	<i>590.443.221</i>	<i>299.533.575</i>
<i>Công ty TNHH Điện Sông Mực</i>	<i>1.862.989.180</i>	<i>1.758.759.436</i>
Trích trước chi phí công trình	46.619.308.582	47.121.824.681
<i>Công ty Cổ Phần Xây dựng 25</i>	<i>5.620.316.348</i>	<i>3.105.959.452</i>
<i>Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18</i>	<i>489.092.184</i>	<i>489.092.184</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24</i>	<i>21.754.567.074</i>	<i>20.475.433.139</i>
<i>Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng</i>	<i>11.132.819.609</i>	<i>15.649.381.958</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng 26</i>	<i>1.181.289.891</i>	<i>1.181.289.891</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1</i>	<i>5.272.755.447</i>	<i>5.052.200.028</i>
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi Sông Hồng</i>	<i>1.168.468.029</i>	<i>1.168.468.029</i>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	92.891.570.194	60.621.286.762
Trích trước chi phí lãi vay phải trả	5.499.241.118	3.571.109.400
Trích trước chi phí lãi vay vốn hóa		65.522.000
Trích trước chi phí công trình	85.901.594.828	56.075.856.215
Chi phí thuê đất	1.490.734.248	512.371.200
Chi phí phải trả khác		396.427.947
Cộng	143.624.115.327	110.424.645.643

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu cho thuê văn phòng.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến bên liên quan</i>		16.140.361
Công ty TNHH Điện Sông Mực		16.140.361
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến tổ chức khác</i>	50.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần VAN VINA	50.000.000	200.000.000
Cộng	50.000.000	216.140.361

18. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**18a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	4.974.826.968	11.473.614.916
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	1.336.171.595	4.994.740.892
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1		2.835.849.709
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	108.294.457	112.663.399
Công ty Cổ phần Xây dựng 25	3.530.360.916	3.530.360.916
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	86.039.990.920	130.218.313.003
Công ty TNHH SX và thương mại Minh Ngọc –		50.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nhận ủy thác góp vốn vào các đơn vị khác		
Kinh phí công đoàn	520.433.863	480.729.726
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.910.857.137	1.864.813.827
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	21.096.286.445	21.096.789.945
Phải trả thù lao HĐQT, BKS	157.657.000	861.480.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	62.304.756.475	55.864.499.505
Cộng	<u>91.014.817.888</u>	<u>141.691.927.919</u>

18b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả các cá nhân góp vốn tại công ty liên kết	87.552.710.000	9.942.710.000
Các khoản phải trả dài hạn khác	1.472.114.000	1.472.114.000
Cộng	<u>89.024.824.000</u>	<u>11.414.824.000</u>

19. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan	87.597.354.447	81.021.746.442
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng ⁽ⁱ⁾	18.000.000.000	18.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăksrông ⁽ⁱⁱ⁾	10.400.000.000	10.400.000.000
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276 ^(v)	40.000.000.000	40.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.600.000.000	8.500.000.000
Công ty TNHH Điện Sông Mực ^(iv)	6.597.354.447	4.121.746.442
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	529.932.616.881	444.210.556.841
Vay ngắn hạn ngân hàng	394.134.849.781	387.646.789.741
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Hồng Bàng	99.851.486.838	117.265.645.152
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD1	283.018.731.953	238.917.020.364
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Hải Dương	11.264.630.990	11.264.630.990
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 3 thành phố Hồ Chí Minh		20.199.493.235
Vay Công ty TNHH Sản xuất và thương mại Minh Ngọc		21.630.253.100
Vay ngắn hạn các cá nhân	105.565.367.100	4.701.114.000
Vay ông Đồng Tuấn Vũ	99.830.253.100	1.000.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân khác	5.735.114.000	4.701.114.000
Vay dài hạn đến hạn trả	30.232.400.000	30.232.400.000
Cộng	<u>617.529.971.328</u>	<u>525.232.303.283</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu kỳ	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	387.646.789.741	119.257.405.161		112.769.345.121	394.134.849.781
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	102.651.999.542	23.575.608.005		38.630.253.100	87.597.354.447
Vay ngắn hạn các cá nhân	4.701.114.000	100.864.253.100			105.565.367.100
Vay dài hạn đến hạn trả	30.232.400.000				30.232.400.000
Cộng	525.232.303.283	243.697.266.266		151.399.598.221	617.529.971.328

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh SGD1 ⁽ⁱ⁾	75.581.262.069	75.581.262.069
Vay dài hạn cá đối tượng khác	220.000.000	220.000.000
Cộng	75.801.262.069	75.801.262.069

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch 1 để thanh toán dư nợ gốc tại Ngân hàng SHB – Chi nhánh Hồng Bàng và bổ sung thanh toán chi phí cho dự án dây chuyền đồng bộ CNC gia công thép tấm và dầm thép với lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần, thời hạn vay 5 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản là 7 cầu tháp hiệu Liebherr, dây chuyền thiết bị đồng bộ CNC gia công thép tấm và dầm thép.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	75.581.262.069		75.581.262.069
Vay dài hạn các tổ chức khác	220.000.000		220.000.000
Cộng	75.801.262.069		75.801.262.069
Số đầu kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	75.581.262.069		75.581.262.069
Vay dài hạn các tổ chức khác	220.000.000		220.000.000
Cộng	75.801.262.069		75.801.262.069

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu kỳ	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay dài hạn ngân hàng	75.581.262.069			75.581.262.069
Vay dài hạn đối tượng khác	220.000.000			220.000.000
Cộng	75.801.262.069			75.801.262.069

19c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.057.678.180	1.231.717.248
Tăng do trích lập từ lợi nhuận		681.420.932
Tăng khác		667.240.000
Chi quỹ	(27.400.000)	(522.700.000)
Số cuối kỳ	<u>2.030.278.180</u>	<u>2.057.678.180</u>

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu kỳ trước	215.000.000.000	29.617.538.747	13.628.418.637	258.245.957.384
Lợi nhuận trong kỳ trước			(56.559.903.642)	(56.559.903.642)
Trích lập các quỹ trong kỳ		46.997.705	(728.418.637)	(681.420.932)
Chia cổ tức			(12.900.000.000)	(12.900.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	<u>215.000.000.000</u>	<u>29.664.536.452</u>	<u>(56.559.903.642)</u>	<u>188.104.632.810</u>
Số dư đầu kỳ này	215.000.000.000	29.664.536.452	(56.559.903.642)	188.104.632.810
Lợi nhuận trong kỳ này			(2.639.254.718)	(2.639.254.718)
Giảm khác			(425.385.555)	(425.385.555)
Số dư cuối kỳ này	<u>215.000.000.000</u>	<u>29.664.536.452</u>	<u>(59.624.543.915)</u>	<u>185.039.992.537</u>

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vốn nhà nước	62.350.000.000	62.350.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	152.650.000.000	152.650.000.000
Cộng	<u>215.000.000.000</u>	<u>215.000.000.000</u>

21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	21.500.000	21.500.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại		
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	21.500.000	21.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

22. Nguồn kinh phí

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.984.807.478	6.010.307.478
Chi sự nghiệp		(25.500.000)
Số cuối kỳ	<u>5.984.807.478</u>	<u>5.984.807.478</u>

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

23a. Tài sản nhận giữ hộ

Chi tiết vật tư nhận giữ hộ tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

STT	Tên vật tư	Đơn vị tính	Số lượng	Giá trị
1	Dây dẫn cách điện 1x2,5	Mét	46.928,00	76.978.626
2	Đồng thanh 80x10	Mét	7.480,11	1.349.759.036
3	Đồng thanh 40x4	Mét	160,04	6.300.707
4	Đồng tròn F10	Kg	119,56	2.588.865
5	Phụ tùng chuỗi sứ	Cái	200,00	4.330.654
6	Ba ke 3 ly	Tám	3,88	2.545.934
7	Cao su cách điện 3 ly	Tám	5,00	13.123.371
8	Tủ khởi động	Cái	2,00	70.080.000
9	Cầu dao đảo chiều 3 cực 400A	Cái	3,00	10.285.992
10	Biến dòng 1500/5A	Cái	6,00	1.714.332
11	Vôn mét xoay chiều 0-450V	Cái	50,00	14.286.100
12	Mêgôm mét xoay chiều 300/5A	Cái	1,00	285.722
13	Công tơ hữu công 1500/5A	Cái	10,00	4.285.830
14	Công tơ hữu công 300/5A	Cái	1,00	428.583
15	Ampe mét xoay chiều 800/5A	Cái	30,00	8.571.660
16	Cầu chì sứ 30A	Cái	60,00	3.428.664
17	Sứ hạ thế 2 ly kẹp thanh cái	Cái	216,00	12.343.190
18	Đèn tín hiệu màu đỏ	Cái	94,00	2.685.787
19	Đèn tín hiệu màu xanh	Cái	98,00	2.800.076
20	Đèn tín hiệu màu vàng	Cái	98,00	2.800.076
21	Chuông điện xoay chiều	Cái	6,00	342.866
22	Khởi đầu dây 20 hàng kẹp (20P)	Cái	125,00	7.143.050
23	Khởi đầu dây 30 hàng kẹp (30P)	Cái	293,00	25.114.964
24	Khởi đầu dây 10 hàng kẹp (10P)	Cái	3,00	85.717
25	Khởi đầu dây 6 hàng kẹp	Cái	59,00	1.685.760
26	Tiếp điểm không chế	Cái	10,00	1.622.907
27	Máy biến áp 1 pha 20A	Cái	6,00	1.714.332
28	Kẹp nối dây 3 nhánh	Cái	20,00	571.444
29	Kẹp nối dây 4 nhánh	Cái	40,00	1.142.888
30	Cầu chì cao áp 35KV - HP 326/30	Cái	9,00	23.369.169
31	Sứ đỡ thanh cái	Cái	54,00	23.366.536
32	Sào cách điện	Bộ	2,00	1.679.331
33	Sào nối đất di động	Bộ	2,00	10.075.985
34	Vôn mét xoay chiều 600V	Cái	2,00	559.777
35	Mêgôm mét 2404-15	Cái	1,00	1.399.439
36	Mêgôm mét 2404-14	Cái	1,00	1.399.439
37	Đồng hồ bấm dây	Cái	5,00	2.099.163
38	Tốc độ kế	Cái	1,00	783.688
39	Pha kế	Cái	2,00	1.679.331
40	Nhiệt kế bách phân	Cái	8,00	223.910
41	âm kế	Cái	10,00	8.396.653
42	Chi thị điện áp 35KV	Cái	2,00	1.679.331
43	Bộ thiết bị định lượng	Cái	2,00	8.396.664
44	Cầu dao điện trở nối đất	Cái	2,00	5.597.786
45	Ampe kim 0-800A	Cái	4,00	1.454.240

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

46	Bộ thử cao thế	Cái	1,00	27.971.614
47	Cầu đo tiếp địa	Cái	2,00	5.594.311
48	Mê gôm 2404 - 13	Cái	4,00	4.475.458
49	Đồng hồ vôn mẫu 2013-19	Cái	2,00	5.034.890
50	Ampe mét xoay chiều 2013-14	Cái	3,00	12.587.246
51	Biến trở con trượt	Cái	3,00	8.391.484
52	Biến áp tự ngẫu	Cái	3,00	12.587.157
53	Đồng hồ vạn năng	Cái	1,00	839.149
54	Thước đo thẳng bằng	Cái	6,00	5.034.891
55	Ampe kim 0-600A	Cái	5,00	3.182.800
56	Động cơ 12 mã lực	Cái	8,00	64.567.040
57	Phần dự trữ cho động cơ	Hòm	1,00	24.177.600
58	Quạt thông gió	Cái	8,00	19.552.320
59	ống thép tráng kẽm F60,5x4x5500	ống	52,00	8.131.032
60	ống thép tráng kẽm F34x5x5500	ống	13,00	1.076.166
61	ống thép F139,6x5000	ống	4,00	4.509.648
62	ống thép F165,2x5x6000	ống	4,00	5.865.696
63	ống thép F216x6x6000	ống	9,00	20.364.372
64	Đồng tấm 1,5x2000x800	Kg	1.185,76	21.766.996
65	Cáp 3c x 10SQ + 6SQ	Mét	2.933,00	35.864.272
66	Cáp 3 x 6 + 1 x 4	Mét	1.220,00	10.729.906
67	Cáp kiểm tra 4c x 2,5SQ	Mét	4.009,00	21.785.900
68	Cáp 3c x 4 + 2,5 HQ	Mét		(1)
69	Cáp 6c x 2,5SQ	Mét	6.000,00	48.850.500
70	Dây lắp ráp 500V 1x0,75	Mét	2.000,00	2.683.660
71	Cáp điện thoại 0,8 x 6p	Mét	1.000,00	4.682.340
72	Dây dẫn điện trần AC 23	Mét	4.000,00	7.157.200
73	áp tô mát 1600A	Cái	5,00	26.363.923
74	áp tô mát 600 BA	Cái	55,00	104.994.699
75	Khóa chuyển mạch 500V - 60HZ	Cái	30,00	2.679.449
76	Công tơ vô công 1500/5A	Cái	10,00	6.492.392
77	Công tắc 1 cực - 301 - 5A	Cái	30,00	287.412
78	Công tắc 2 cực DE232	Cái	20,00	592.648
79	Công tắc 3 cực DE 233	Cái	30,00	915.708
80	Cầu dao 3 pha 30A	Cái	42,00	1.772.205
81	Cầu dao 3 cực KF 357	Cái	10,00	22.755.678
82	Nút ấn 1 phần tử	Cái	15,00	207.204
83	Nút ấn 2 phần tử	Cái	10,00	160.416
84	Nút ấn 3 phần tử	Cái	10,00	265.411
85	Chụp đèn chống nổ	Cái	30,00	21.152.354
86	Bóng điện 200V - 100W	Cái	27,00	586.521
87	Đèn cầu màu sữa	Cái	20,00	280.728
88	Biến dòng CPI - 300/5A	Cái	26,00	3.357.652
89	Cầu dao 2 cực kèm cầu chì	Cái	40,00	1.034.906
90	Khởi động từ HBI A200	Cái	15,00	20.630.166
91	Khởi động từ 50A (HBI B25)	Cái	5,00	1.225.748
92	Biến dòng 800/5A	Cái	10,00	
93	Biến dòng 300/5A	Cái	4,00	
94	Cầu chì cao áp 35KV - IR 30/5	Cái	3,00	5.842.074
95	Chuỗi sứ 5 bát	Chuỗi	41,00	33.269.350

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

96	Chuỗi sứ 2 bát	Chuỗi	95,00	51.391.679
97	Ống thép tráng kẽm F60,5x4	Mét	0,50	14.215
98	Đèn pha và bóng 500W (vỡ)	Cái	1,00	4.857.274
99	Ống thép F60,5x4	Mét	2,00	134.671
	Cộng			2.419.935.705

23b. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.270.992,17	13.160,93
Euro (EUR)	12.261,04	12.198,17

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/7/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/7/2016 đến 30/09/2016</u>
Doanh thu bán hàng hóa	23.874.086.952	15.039.619.001
Doanh thu hợp đồng cơ khí	64.441.382.648	118.471.130.643
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.912.265.419	24.940.292.067
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.045.007.686	477.421.037
Cộng	101.272.742.705	158.928.462.748

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Từ 01/7/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/7/2016 đến 30/09/2016</u>
Hàng bán bị trả lại	477.385.840	50.665.367

3. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/7/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/7/2016 đến 30/09/2016</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.323.605.911	11.770.495.570
Giá vốn của hợp đồng cơ khí	54.762.983.836	120.968.485.552
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	11.974.767.555	23.483.219.361
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	539.757.526	257.404.677
Cộng	86.601.114.828	156.479.605.160

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/7/2017 đến 30/09/2017</u>	<u>Từ 01/7/2016 đến 30/09/2016</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	640.290.221	579.626.439
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.070.290.250	1.122.852.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	143.371.644	1.768.257
Doanh thu tài chính khác	5.390.000.000	
Cộng	8.243.952.115	1.704.246.696

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Từ 01/7/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/7/2016 đến 30/09/2016
5. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	13.096.531.107	6.573.348.139
Lỗi chênh lệch tỷ giá	40.604.382	171.986.808
Dự phòng tổn thất đầu tư		
Các khoản chi phí tài chính khác	34.491.464	505.518.481
Cộng	13.171.626.953	7.250.853.428
6. Chi phí bán hàng		
Chi phí vật liệu, bao bì		260.427.690
Chi phí dụng cụ, đồ dùng		
Chi phí bảo hành	105.830.584	
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác	743.032.241	1.168.681.214
Cộng	848.862.825	1.429.108.904
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	4.951.424.235	5.238.357.961
Chi phí vật liệu quản lý	98.349.800	92.400.480
Chi phí khấu hao tài sản cố định	480.290.854	451.365.427
Thuế, phí và lệ phí	80.599.950	78.606.810
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.676.967	226.041.993
Các chi phí khác	4.131.009.274	3.343.041.862
Cộng	10.014.351.080	9.429.814.533
8. Thu nhập khác		
Tiền bồi thường		23.526.100
Thu nhập khác	135.822.443	141.024.912
Cộng	135.822.443	164.551.012
9. Chi phí khác		
Thuế bị phạt, bị truy thu	890.984.622	37.486.952
Phạt chậm nộp bảo hiểm	37.049.076	
Chi phí khác	250.396.757	283.345.881
Cộng	1.178.430.455	320.832.833

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Tổng Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
---------------------------	--------------------

Công ty Cổ phần Xây dựng 25	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Bắc Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Điện Sông Mực	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị Cơ điện và Xây dựng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng 24	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng thủy lợi Sông Hồng	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Thủy lợi 1	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng 26	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị Thủy lợi	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ khí và Xây lắp 276	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng 18	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tư vấn Kỹ thuật Đông Dương	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thủy điện Quảng Ninh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đaksrong	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết bị phụ tùng Cơ điện	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Cơ khí Năng lượng AGRIMECO Tân Tạo	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Agreesteel - Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty TNHH Sản phẩm Thép AGRIMECO & JFE	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Quảng Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Năng lượng AGRITA Nghệ Tĩnh	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CƠ ĐIỆN XÂY DỰNG - CTCP

Địa chỉ: Km 10, quốc lộ 1A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 07 năm 2017 đến ngày 30 tháng 09 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, số liệu trên Báo cáo Kết quả kinh doanh tổng hợp, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ kế toán từ 01/07/2016 đến 30/09/2016, báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) soát xét.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

Lập, ngày 30 tháng 10 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Lê Quang Hưng

Lê Văn An